TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2022
V/v: Xin ly hôn X – Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06B/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1968, Địa chỉ: Thôn N, xã T1, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T2, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Anh X đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh X thì nguyên nhân do thời gian tìm hiểu quá nhanh nên không nắm rõ tính tình của nhau, không cùng suy nghĩ và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai cùng thống nhất ly thân từ tháng 01 năm 2021. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm hỏi han, liên lạc với nhau. Đến nay, anh X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Th nhiều lần, tuy nhiên chị Th không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tống đạt trực tiếp và hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho chị Th ở gia đình tại thôn Đ, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình, chị Th đã biết được nội dung những văn bản của Tòa án tuy nhiên từ chối không nhận văn bản, không ký xác nhận vào các văn bản của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2022, Ủy ban nhân dân xã T2 và Công an xã T2, huyện T cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 06/3/1965 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình, có số căn cước công dân là 034165007261 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/11/2020 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 01/01/1962 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 23/11/2020 tại UBND xã T2 là cùng một người và là công dân hiện đang sinh sống xã T2 được xác định là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với anh Nguyễn Văn X. Anh X và chị Th có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 23/11/2020. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại xã T2 được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, theo thông tin địa phương được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian tìm hiểu nhau quá ít, không hiểu rõ tính cách, suy nghĩ của đối phương nên không cùng quan điểm sống, khác biệt nhau về cách sống. Chị Th và anh X sống ly thân từ tháng 01/2021, chị Th ở tại địa phương còn anh X chuyển về xã T1 sinh sống, cơ sở thôn đã hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng không thành. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T2 về việc anh X xin ly hôn chị Th là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng vì các bên đã ly thân, không còn tình cảm, bản thân chị Th đã từng gửi đơn xin ly hôn cũng thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và không muốn sống cùng nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh X và chị Th không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc chị Th và anh X có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Th mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc anh X xin ly hôn; được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng chị không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Nguyễn Văn X được ly hôn chị Nguyễn Thị Th; Về quan hệ con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết; Về quan hệ tài sản

chung, nợ chung: Anh X không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay chị Th đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn X có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh X và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 23/11/2020. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh X trình bày là do thời gian tìm hiểu quá nhanh nên không nắm rõ tính tình của nhau, không cùng suy nghĩ và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cả hai cùng thống nhất ly thân từ tháng 01 năm 2021. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân và không hỏi han nhau, cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Tại các văn bản gửi đến Tòa án và trong quá trình làm việc tại Tòa án, anh X trình bày chị Th không có ý kiến về việc ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn hôn nhân và trốn tránh không đến Tòa án làm việc để gây khó khăn cho anh và anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh kiên quyết xin được ly hôn chị Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho chị Th, chị đã biết được việc anh X xin ly hôn nhưng chị không đưa ra quan điểm và nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân, từ chối nhận các văn bản của Tòa án, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc chị Th không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị Th và anh X cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ đầu năm 2021. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh X và chị Th đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh X để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, anh Xanh cương quyết xin ly hôn, cần xử cho anh X được ly hôn chị Th là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh X và chị Th không có con chung, anh X không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về con chung.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh X và chị Th không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh X phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh X và chị Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn X được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ anh X đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004056 ngày 14/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T2 (Nơi ĐKKH);
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh